

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ
ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH
NHIỆM KỲ 2026-2031
(Ngày 12 tháng 01 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN QUANG VINH** Ngày tháng năm sinh: 22/5/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số thẻ căn cước công dân: 034082005602 Ngày cấp: 21/7/2016 ; Nơi cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Bùi Thị Hạnh** Ngày tháng năm sinh: 24/8/1985
- Nghề nghiệp: Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Trưởng Ban Xây dựng Đảng xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên.
- Nơi làm việc: Đảng ủy xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Hộ đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: 034185004847. Ngày cấp: 28/7/2016; Nơi cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

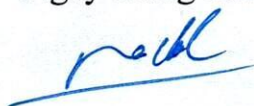
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Thảo Linh Ngày tháng năm sinh: 07/8/2009
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: 034309014305, Ngày cấp: 02/4/2024; Nơi cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Hạnh Phúc Ngày tháng năm sinh: 21/3/2015



- Nơi đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Sn 18, Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích⁽⁹⁾: 124 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng (Thực mua năm 2011)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số BC 293048, cấp ngày 09/6/2011 mang tên Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất được Bố mẹ mua cho.

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Bao trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích⁽⁹⁾: 112 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.000.000.000đ (mua năm 2018)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số DA 298981, cấp ngày 19/3/2021 mang tên Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.3. Thửa thứ 3:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất:

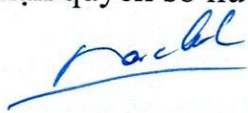
1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 83, Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 4.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 60 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 50.000.000đ (giá trị tính tại thời điểm mua năm 2011)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: có, (Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh)



- Thông tin khác (nếu có): Nhà do Bố mẹ mua cho

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Tổ dân phố Bao Trinh, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 3.

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 112 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000đ (xây nhà từ cuối năm 2020)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: có, (Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh)

- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:.....Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

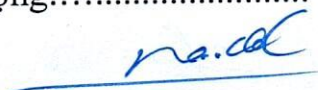
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:



- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- 01 xe máy Lead, biển số: 17A 69339, trị giá 35 triệu theo giá trị mua năm 2012.

- 01 xe ô tô I10; Số đăng ký: 17A 13739; Giá trị: 450.000.000đ (xe mua năm 2019).

- 01 xe ô tô Toyota cross, số đăng ký 89A 63860; giá trị 860.000.000 đồng (xe mua tháng 8/2025)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (năm 2024-2025)⁽²⁸⁾: 350.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 170.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):



Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở 1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).	01 xe ô tô	+ 860 triệu đồng	Mua từ tiền tiết kiệm hợp pháp của 2 vợ chồng và vay ngân hàng 700 triệu đồng
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê		350 triệu đồng	Thu nhập từ lương

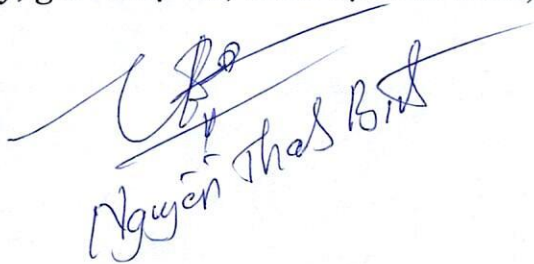
nochl

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập và các khoản phụ cấp của 2 vợ chồng
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.			

Đông Thái Ninh ngày 12 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

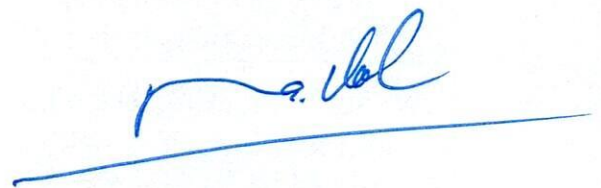
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nguyễn Thái Bình

Đông Thái Ninh, ngày 12 tháng 01 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Vinh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP PHỤC VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ
(Ngày 18 tháng 3 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN QUANG VINH** Ngày tháng năm sinh: 22/5/1982
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đông Thái Ninh
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi ở hiện nay: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số thẻ căn cước công dân: 034082005602 Ngày cấp: 21/7/2016 ; Cơ quan cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Bùi Thị Hạnh** Ngày tháng năm sinh: 24/8/1985
- Nghề nghiệp: UVBTV, Trưởng Ban Xây dựng Đảng xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi làm việc: Đảng ủy xã Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi ở hiện nay: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: 034185004847. Ngày cấp: 28/7/2016; Cơ quan cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Thảo Linh Ngày tháng năm sinh: 07/8/2009
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi ở hiện nay: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân: 034309014305, Ngày cấp: 02/4/2024; Nơi cấp: Cục quản lý dữ liệu dân cư.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Nguyễn Hạnh Phúc Ngày tháng năm sinh: 21/3/2015
- Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Nơi ở hiện nay: SN 18, Tổ dân phố Bao Trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Sn 18, Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích⁽⁹⁾: 124 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 200.000.000 đồng (Thực mua năm 2011)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số BC 293048, cấp ngày 09/6/2011 mang tên Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Đất được Bố mẹ mua cho.

1.1.2. Thửa thứ 2:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố Bao trình, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích⁽⁹⁾: 112 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.000.000.000đ (mua năm 2018)
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số DA 298981, cấp ngày 19/3/2021 mang tên Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh.
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.3. Thửa thứ 3:

- Địa chỉ⁽⁸⁾:
- Diện tích⁽⁹⁾:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾:
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thửa thứ nhất:

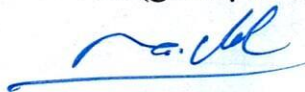
1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số nhà 83, Tổ dân phố số 4, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 4.
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 60 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 50.000.000đ (giá trị tính tại thời điểm mua năm 2011)



- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: có, (Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh)
- Thông tin khác (nếu có): Nhà do Bố mẹ mua cho

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên):

- Địa chỉ: Tổ dân phố Bao Trinh, xã Thái Thụy, tỉnh Hưng Yên
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Cấp 3.
- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 112 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.500.000.000đ (xây nhà từ cuối năm 2020)
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: có, (Nguyễn Quang Vinh, Bùi Thị Hạnh)
- Thông tin khác (nếu có):

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:.....Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không



6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: Không

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- 01 xe máy Lead, biển số: 17A 69339, trị giá 35 triệu theo giá trị mua năm 2012.

- 01 xe ô tô I10; Số đăng ký: 17A 13739; Giá trị: 450.000.000đ (xe mua năm 2019).

- 01 xe ô tô Toyota cross, số đăng ký 89A 63860; giá trị 860.000.000 đồng (xe mua tháng 8/2025)

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai (năm 2024-2025)⁽²⁸⁾: 350.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của người kê khai: 170.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 180.000.000 đồng

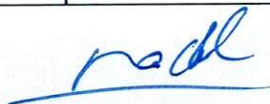
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:



III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng đất 1.1/Đất ở 1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			

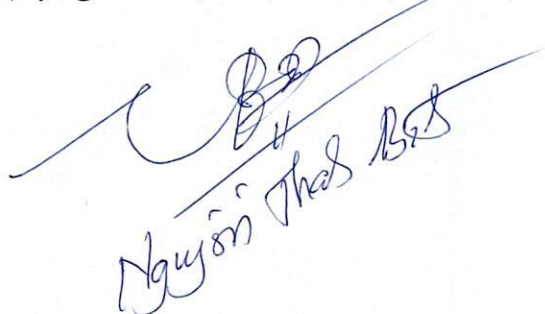


Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa 02 lần kê khai.			

Đông Thái Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

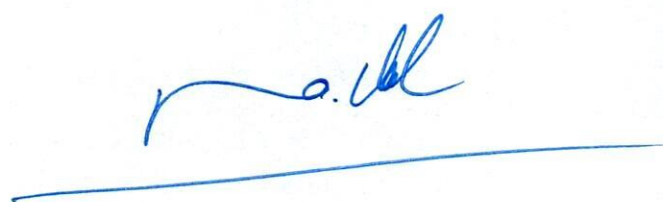
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nguyễn Thị B.S.

Đông Thái Ninh, ngày 18 tháng 3 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Vinh

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, PHỤC VỤ CHO CÔNG TÁC CÁN BỘ⁽¹⁾
(Ngày 28 tháng 02 năm 2026)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: BÙI VĂN MUÔN . Ngày tháng năm sinh: .07/02/1977.
- Chức vụ/chức danh công tác: Đảng ủy viên , PCT UBND Xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Nghĩa Hồng Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034077003848 ngày cấp 04/09/2021 nơi cấp cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Thị Hải. Ngày tháng năm sinh 20/02/1983
- Nghề nghiệp: Làm ruộng..
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên .
- Nơi thường trú: Thôn Nghĩa Hồng Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân 034183005142 ngày cấp 04/09/2021. nơi cấp cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên : Bùi Trọng Hiệu Ngày tháng năm sinh: 14/07/2010
- Nơi thường trú: . Thôn Nghĩa Hồng Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034210004337 ngày cấp. 18/11/2024 nơi cấp bộ công an

3.2. Con thứ hai (trở lên):

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:

.....

- Nơi thường trú:.....

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: . Thôn Nghĩa Hồng Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- **Diện tích**⁽⁹⁾

- Giá trị⁽¹⁰⁾

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: chưa

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:
.....

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Trồng lúa Địa chỉ: . Đồng chiều ngoài Xã Mỹ Lộc..

- Diện tích: .1208m2..

- Giá trị⁽¹⁰⁾: . - Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Bùi Văn Muôn 00789.

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

.....
- Địa chỉ: . Thôn Nghĩa Hồng Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: .cấp 4.

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 100m2

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 150.000.000đ

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: chưa.

- Thông tin khác (nếu có): .không.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

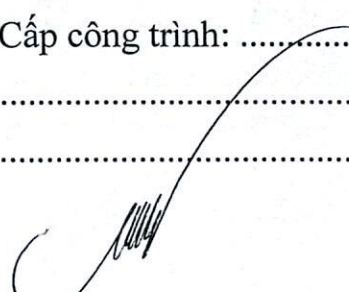
2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:



- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:.....Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:.....Số lượng:.....Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:.....Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:.....Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:xe máy SH Số đăng ký:17B6 56534 Giá trị: 80 Triệu

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:.....Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai 13.729.000đồng/ tháng

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):7.200.000.đồng/ tháng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

.....

- Tổng các khoản thu nhập chung 20.929.000 đồng/ tháng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong			

nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
---	--	--	--

Đông Thái Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nguyễn Quốc Bình

Đông Thái Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Bùi Văn Mạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP
(Ngày 10 tháng 12 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: KIM VĂN HÒI - Ngày tháng năm sinh: 06/8/1975
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó chủ tịch HĐND xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: HĐND xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Chỉ Thiện xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034075019510 ngày cấp 04/3/2022 nơi cấp Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Phạm Thị Rự - Ngày tháng năm sinh: 15/01/1974
- Nghề nghiệp: Lao Động hợp đồng
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Công ty Nhiệt điện Thái Bình
- Nơi thường trú: thôn Chỉ Thiện xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034174021898 ngày cấp 04/3/2022 nơi cấp Cục cảnh sát

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên:..... Ngày tháng năm sinh:
- Nơi thường trú:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân:
ngày cấp..... nơi cấp

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: thôn Chỉ Thiện xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Diện tích⁽⁹⁾: 325,3 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: số 01127

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: không

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: Đất nông nghiệp Địa chỉ: thôn Chỉ Thiện xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Diện tích: 180 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 60 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: số 01295

- Thông tin khác (nếu có): không

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Chỉ Thiện xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: 02 tầng

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 100 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 400 triệu đồng

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có): không

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình: Địa chỉ:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây: Số lượng: Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.



9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:/....., số tài khoản:/.....
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:/.....

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 150 triệu đồng/năm
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 80 triệu đồng/năm
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không
- Tổng các khoản thu nhập chung: 230 triệu đồng

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			



6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
--	--	--	--

Đông Thái Ninh ngày 10 tháng 12 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


 Nguyễn Thanh Bình

Đông Thái Ninh, ngày 10 tháng 12 năm 2026
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Kim Văn Hồi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CÁ NHÂN¹⁾
(Ngày 02 tháng 03 năm 2026)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TRƯỜNG** Ngày tháng năm sinh: 20/06/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Ban Kinh Tế Ngân Sách HĐND xã.
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi đăng ký hộ khẩu : Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034076010089 ngày cấp 17/09/2021 nơi cấp CCS

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Tạ Thị Châm. Ngày tháng năm sinh: 10/09/1977
- Nghề nghiệp: Làm Ruộng
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi đăng ký hộ khẩu : Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034177007045 ngày cấp 17/09/2021 nơi cấp CCS.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Ngọc Sơn Ngày tháng năm sinh: 14/10/1999
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi đăng ký hộ khẩu : Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034099003385 ngày cấp 16/03/2022 nơi cấp CCS

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Nguyễn Đức Ngọc Ngày tháng năm sinh: 19/9/2001



- Nơi đăng ký hộ khẩu : Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Nơi thường trú: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034201004733 ngày cấp 17/09/2021 nơi cấp CCS

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích⁽⁹⁾: .720 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1 tỷ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: không
- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

. Thửa thứ hai:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Diện tích⁽⁹⁾: .100 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1 tỷ

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất: NTTS Địa chỉ: Xã Đông Thái Ninh
- Diện tích: 3600 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .không
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kể khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Thôn Nam Duyên xã Đông Thái Ninh Tỉnh Hưng Yên.
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Kiên Cố

- Diện tích sử dụng ⁽¹⁵⁾: 120 m²

- Giá trị ⁽¹⁰⁾: 500 triệu.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .không

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác ⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất ⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm ⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất ⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị ⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên ⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai:
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng):
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:
- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):



Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy			



7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
--	--	--	--

Đông Thái Ninh; ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI

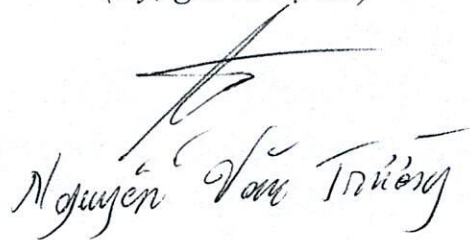
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nguyễn Thái Bình

Đông Thái Ninh; ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CÁ NHÂN

(Ngày 02 tháng 03 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: ĐỖ XUÂN TRƯỜNG: Ngày tháng năm sinh: 05/4/1978
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó trưởng ban Văn Hóa-Xã Hội, HĐND xã
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh
- Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước : 034078004869 ; ngày cấp: 06/9/2021; nơi cấp: Cục CSQLHC

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Bích Thị Thêu Ngày tháng năm sinh: 14/01/1980
- Nghề nghiệp: Làm ruộng
- Nơi làm việc: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn Lũng Đầu - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước: 034180006468 ngày cấp: 06/9/2021 nơi cấp: Cục CSQLHC

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: ĐỖ Hải Yến Ngày tháng năm sinh: 25/9/2001
- Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước: 034301007215 ngày cấp: 17/9/2021 nơi cấp: Cục CSQLHC

3.2. Con thứ hai

- Họ và tên: ĐỖ Lê Anh Ngày tháng năm sinh: 01/9/2011
- Nơi đăng ký hộ khẩu: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: thôn Lục Bắc - xã Đông Thái Ninh - tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước: 034211001420 ngày cấp: 29/10/2024 nơi cấp: Bộ Công An



II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thửa thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Lục Bắc, xã Thái Xuyên, Thái Thụy, Thái Bình
- Diện tích: 120 m²
- Giá trị: 400.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.1.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác:

1.2.1. Thửa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:
- Diện tích:
- Giá trị:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thửa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thửa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: thôn Lục Bắc, xã Thái Xuyên, Thái Thụy, Thái Bình
- Loại nhà: Nhà cấp 4
- Diện tích sử dụng : 120m²
- Giá trị: 150.000.000đ
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:



- Giá trị :
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất:

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi loại tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

Trương

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...):

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác):

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài.

9. Tài khoản ở nước ngoài:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 102.000.000đ

- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 40.000.000đ

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM (nếu người ứng cử kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

Loại tài sản, thu nhập	Tăng /giảm		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			

Truyệ

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai.	70 triệu	102 triệu	Tăng bậc, nâng lương
--	----------	-----------	----------------------

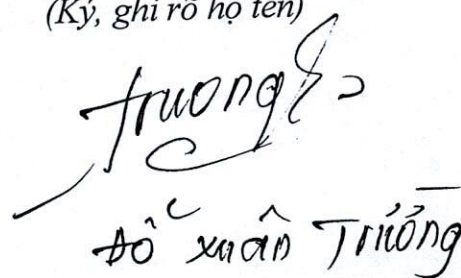
Tôi cam đoan những nội dung nêu trên là đầy đủ và đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đông Thái Ninh, ngày 02 tháng 03 năm 2026 Đông Thái Ninh, ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Bình


Đỗ Xuân Trường

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐÔNG THÁI NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG THÁI NINH
NHIỆM KỲ 2026 - 2031**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: VŨ TRỌNG ĐẠT. Ngày tháng năm sinh: 30/05/1976
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chủ tịch UBND xã Đông Thái Ninh
- Cơ quan/đơn vị công tác: UBND xã Đông Thái Ninh
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Lục Nam, Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034076029158. ngày cấp 19/12/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Đinh Thị Phương Quý. Ngày tháng năm sinh: 25/11/1975
- Nghề nghiệp: Buôn bán, nội trợ
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Tại Nhà
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Lục Nam, Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034175020503. ngày cấp 19/12/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát

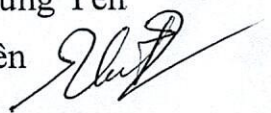
3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Vũ Minh Sơn. Ngày tháng năm sinh: 15/11/2010
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Lục Nam, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034210012582, ngày cấp: 04/11/2024, nơi cấp: Bộ Công an

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Vũ Minh Anh. Ngày tháng năm sinh: 14/8/2013
- Nơi đăng ký hộ khẩu: Thôn Lũng Đầu, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên
- Nơi thường trú: Thôn Lục Nam, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên



- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034313013259, ngày cấp: 29/10/2024, nơi cấp: Bộ Công an

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

1.1.1. Thừa thứ nhất: Ông Vũ Trọng Đạt và bà Đinh Thị Phương Quý

- Địa chỉ⁽⁸⁾: xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (nay là xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên)

- Diện tích⁽⁹⁾: 98,5 m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 450.000.000 đồng. (mua năm 2011)

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: GCN: BG635578

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾:

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất: Xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Địa chỉ: Thôn Lục Nam, xã Đông Thái Ninh, tỉnh Hưng Yên

- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Hai tầng (bê tông, cốt thép). Xây dựng từ tháng 8/2016

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 98,5 x 2 = 197m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 900.000.000 đồng. (Xây dựng năm 2016)

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾:

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:
- Giá trị ⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾:

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾.

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):

6.1. Cổ phiếu:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:



7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾.

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾: **212.739.600 đồng/năm 2025**

- Tổng thu nhập của người kê khai: 152.739.600 đồng

- Tổng thu nhập của vợ: 60.000.000 đồng

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên:

- Tổng các khoản thu nhập chung:

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

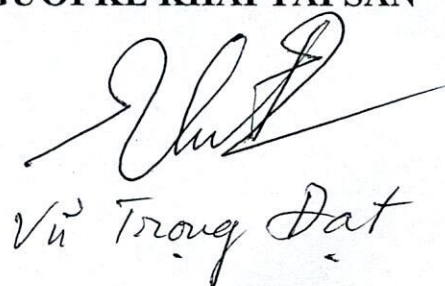
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất			
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá			

trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác 7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...). 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽³²⁾.			
		212.739.600 đồng	Từ lương, phụ cấp bản thân và buôn bán của vợ từ tháng 01 đến tháng 12/2025

..... ngày 22 tháng 1 năm 2026
NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI


 Nguyễn Thanh Bình

Đông Thái Ninh, ngày 26 tháng 01 năm 2026
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN


 Vũ Trọng Đạt

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP LẦN ĐẦU
(Ngày 23 tháng 4 năm 2026)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Giang Văn Duẩn. Ngày 26 tháng 5 năm 1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Viên chức;
- Cơ quan/đơn vị công tác: Ủy ban nhân dân xã Đông Thái Ninh.
- Nơi thường trú: Thôn vũ biên xã Đông Thái Ninh - Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 034079004807, ngày cấp 18/09/2021 nơi cấp Cục Cảnh sát, Bộ Công an.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Vũ Thị May, Ngày tháng năm sinh: 29/4/1980.
- Nghề nghiệp: Công nhân.
- Nơi làm việc: Công ty cơ khí Quang Hạnh.
- Nơi thường trú: Thôn vũ biên xã Đông Thái Ninh – Hưng Yên.
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034180004571 ngày cấp 19/12/2021. nơi cấp Cục Cảnh sát, Bộ Công an

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Giang Hoàng Anh. Ngày tháng năm sinh: 13/11/2007
- Nơi thường trú: Thôn vũ biên xã Đông Thái Ninh – Hưng Yên:
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 034207010709 ngày cấp.16/03/2022 nơi cấp Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3.2. Con thứ hai:

- Họ và tên: Giang Hồng Ngọc: Sinh ngày 19/09/2012
- Nơi thường trú. Thôn vũ biên xã Đông Thái Ninh – Hưng Yên 

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾:

1.1. Đất ở⁽⁷⁾:

. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: Tổ dân phố số 9, xã Thái Thụy – Hưng Yên.

- Diện tích⁽⁹⁾: 59,6m²

- Giá trị⁽¹⁰⁾: 0,4 tỷ đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Có: Số cấp GCN: CS 05542 Ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾:

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:

- Thông tin khác (nếu có):

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ:

- Loại nhà⁽¹⁴⁾:

- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có): 

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không

2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:..... Địa chỉ:

- Loại công trình:..... Cấp công trình:

- Diện tích:

- Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:

- Thông tin khác (nếu có):

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không

3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾. Tiền gửi tiết kiệm 130 triệu đồng.

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: 

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp⁽²²⁾:

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:.....

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾:

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....

- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:.....

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:

7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:

- Tên tài sản:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾:Không

9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾:Không

- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:

- Tổng thu nhập của người kê khai: 130 triệu đồng/01 năm

- Tổng thu nhập của vợ: 150 triệu đồng/01 năm

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Không 

- Tổng các khoản thu nhập chung: 280 triệu/năm

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này):

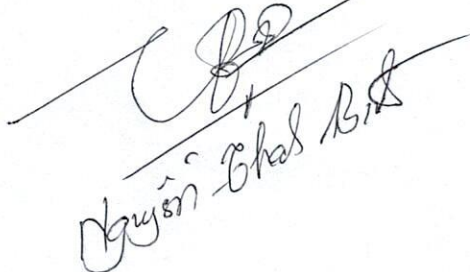
Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất	59,6m2		Vay mượn anh em trong gia đình để mua
1.1. Đất ở			
1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng			
2.1. Nhà ở			
2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất			
3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất			
3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại):			
6.1. Cổ phiếu			
6.2. Trái phiếu			
6.3. Vốn góp			

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên:			
7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...).			
7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài.			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			280.000.000đ

Đông Thái Ninh, ngày 26 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)


Nguyễn Ghạt Bửu

Đông Thái Ninh, ngày 23 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN



Giang Văn Duẩn